TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 500/2023/HS-PT
Ngày 27 tháng 7 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Lê Thành Long

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 872/2022/TLPT-HS, ngày 14 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo Tan H và các bị cáo khác; Do có kháng cáo của bị cáo Tan Hui L và các bị cáo khác đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 158/2022/HS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 123/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2023; đối với:

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. T10 (tên gọi khác: W) sinh năm 1970 tại Singapore; nơi đăng ký thường trú: BLK 708A # 04 – 18 Chai C, Singapore; nơi đăng ký tạm trú: số B đường N, tổ A, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Kỹ sư; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Hoa; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Singapore; con ông Tan Beng H1, sinh năm 1945 và bà Tay Ah M, sinh năm 1950; có vợ và có 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04 tháng 12 năm 2018 cho đến nay, có mặt.

2. Đào Duy T sinh năm 1986 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: số A đường L, Phường D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Ngọc Ẩ sinh năm 1961

và bà Nguyễn Thị Hồng N sinh năm 1961; có vợ và 02 người con; tiền án, tiền sự: không. Ngày 08 tháng 01 năm 2018, bị bắt tạm giam đến ngày 01 tháng 01 năm 2019, được thay thế biện pháp tạm giam bằng Biện pháp đặt tiền để bảo đảm, có mặt.

3. Nguyễn Ngọc Minh H2 sinh năm 1968 tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký thường trú: Số I N, Phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký tạm trú: số B đường N, tổ A, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc H3 sinh năm 1935 (đã chết) và bà Huỳnh Thị Minh P sinh năm 1942; có chồng (là bị cáo Tan H) và 02 người con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. Nguyễn Gia Việt H4, sinh năm 1978 tại thành phố H; nơi đăng ký thường trú: số D đường L, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Luật sư; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Gia Việt H5, sinh năm 1947 và bà Lê Thị P1, sinh năm 1954; có vợ và người 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Bị cáo có liên quan đến kháng cáo:* Đặng Hạnh D, sinh năm 1979 tại tỉnh Khánh Hòa; nơi đăng ký thường trú: số D đường L, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Hữu B, sinh năm 1954 và bà Đỗ Thị Lệ D1, sinh năm 1959; có chồng và 02 người con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Bị hại:* Công ty trách nhiệm hữu hạn G1; Địa chỉ: số E Vsip II A, đường số A, Khu công nghiệp V - S, xã (nay là phường) V, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện theo pháp luật (tại cấp sơ thẩm) là ông Stefan E, sinh năm 1980, Quốc tịch: Đức, chức vụ: Chủ tịch Công ty; người đại diện theo ủy quyền: Ông Masaru I sinh năm 1964, quốc tịch: Nhật Bản, chức vụ: Tổng Giám đốc; Người đại diện theo pháp luật (tại cấp phúc thẩm) là ông Andreas G, Chức vụ: Tổng giám đốc (có mặt).

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Võ Thị Xuân L1, sinh năm 1990; Nơi cư trú: E N, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Công ty T11, đại diện theo pháp luật là ông Hà Thục B1, sinh năm 1982, nơi cư trú: 48/163/60 H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, chức vụ: Giám đốc; đại diện theo ủy quyền là bà Trần Thị Thùy T1, sinh năm 1985, nơi cư trú: 48/163/60 H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

3. Ông Đào Ngọc Ẩ sinh năm 1961; Nơi đăng ký thường: số A L, Phường D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (xin xét xử vắng mặt).

- *Người phiên dịch cho bị cáo Tan Hui L*: Bà Nguyễn Thị Quỳnh N1, (có mặt).

- *Người phiên dịch cho bị hại:* Bà Bùi Ngọc Khánh N2, (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Tan H6 Lim Lim:*

1. Luật sư Lê Minh N3 - Văn phòng Luật sư Lê Minh N3, Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

2. Luật sư Nguyễn Tuyết N4 - Công ty L3, Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

3. Luật sư Nguyễn Hữu T2 - Công ty L3, Đoàn Luật sư Thành phố H (xin xét xử vắng mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc Minh H7:* Luật sư Trần Văn T3 – Văn phòng Luật sư T12, Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Đào Duy T*: Luật sư Nguyễn H8 - Công ty L4, Đoàn Luật sư Thành phố H, (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Gia Việt H9*: Luật sư Nguyễn Văn P2 - Công ty L5, Đoàn Luật sư tỉnh B, (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Đặng Hạnh D*: Luật sư Trương Quốc H10 – Công ty L5, Đoàn Luật sư tỉnh B, (có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại*:

1. Luật sư Nguyễn Tuấn T4 - Văn phòng L6, Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

2. Luật sư Trần Đại N5 - Văn phòng L7, Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn G1 (gọi tắt là: Công ty G1); Địa chỉ: số E Vsip II A, đường số A, Khu công nghiệp V - S, xã V, thị xã T, tỉnh Bình Dương là doanh nghiệp do Công ty G1 nước Đức đầu tư vốn 100%, do ông Stefan E, sinh năm 1980, Quốc tịch: Đức, là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Hoạt động của Công ty G1 là sản xuất, sửa chữa (mài, phủ) các loại dụng cụ khoan, cắt chính xác chất lượng cao và các bộ phận dụng cụ khoan, cắt; phân phối (bán buôn, bán lẻ) các mặt hàng: Vít cho kim loại, bu lông cho kim loại, lưỡi cắt kim loại…

Tan H6 Lim làm Tổng Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Công ty G1 từ ngày 01 tháng 02 năm 2011 đến ngày 02 tháng 12 năm 2015, theo các Hợp đồng lao động số Guh-016/HĐLĐ ngày 01 tháng 02 năm 2011, số

01/2013-Guhring ngày 17 tháng 3 năm 2013; công việc của T10 là quản lý toàn bộ hoạt động của Công ty, tăng trưởng doanh số bán hàng và lợi nhuận, phát triển chiến lược, phát triển kinh doanh tại Việt Nam và hợp tác chặt chẽ với cấp trên, báo cáo tài chính cho Công ty mẹ, các trách nhiệm khác liên quan đến công việc của Tan Hui L. Đến ngày 02 tháng 12 năm 2015, Công ty G1 và T10 ký thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động.

Ngày 13 tháng 11 năm 2016, Công ty G1 gửi đơn đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B tố cáo Tan Hui L và Đào Duy T trong 05 vụ việc chiếm đoạt tổng số tiền 32.815.360.993 đồng của Công ty G1. Qua điều tra đã xác định được: Quá trình làm việc tại Công ty G1, lợi dụng trách nhiệm và quyền hạn được giao Tan Hui Lim đã cấu kết với Đào Duy T, Nguyễn Gia Việt H4, Nguyễn Ngọc Minh H2, Đặng Hạnh D chiếm đoạt tiền của Công ty G1, cụ thể như sau:

1. Hành vi phạm tội thông qua việc mua văn phòng phẩm của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T11:

Đào Duy T làm Kế toán tổng hợp cho Công ty G1 từ ngày 01 tháng 10 năm 2014 đến ngày 15 tháng 12 năm 2015, theo Hợp đồng lao động số 08-13-GUHRING ngày 01 tháng10 năm 2014 và Thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động ngày 15 tháng 12 năm 2015.

T10 giao cho Đào Duy T nhiệm vụ mua các loại văn phòng phẩm như giấy, bút, mực, gim, kẹp giấy… để phục vụ cho hoạt động của Công ty G1. T liên hệ với Công ty TNHH T11 (gọi tắt là Công ty T11), có trụ sở tại khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, do ông Hà Thục B1, sinh năm 1982, làm Giám đốc, để cung cấp văn phòng phẩm cho Công ty G1. T tham mưu cho T10 ký Hợp đồng nguyên tắc số 13 tháng 3 năm 2015/THT-GR ngày 13 tháng 3 năm 2015 với Phó Giám đốc của Công ty T11 là bà Trần Thị Thùy T1, sinh năm 1985, nơi cư trú: Số D H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương thỏa thuận chung về việc mua bán văn phòng phẩm giữa hai công ty.

Căn cứ vào hợp đồng nguyên tắc, khi Công ty G1 có nhu cầu mua văn phòng phẩm, Đào Duy T gọi điện thoại hoặc gửi email đặt mua văn phòng phẩm đến Công ty T11. Công ty T11 báo giá và hẹn thời gian, địa điểm giao nhận hàng. Sau đó, T thuê xe taxi đi đến văn phòng của Công ty T11 tại số A H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương nhận hàng và ký biên bản giao nhận hàng hóa. Khoảng 05 ngày sau, Công ty T11 phát hành Hóa đơn giá trị gia tăng giao cho T, T lập Lệnh thanh toán kèm theo Hóa đơn giá trị gia tăng và biên bản giao nhận hàng hóa đưa cho Tan H6 Lim kiểm tra và ký, đóng dấu của Công ty G1. T đưa L2 thanh toán đến ngân hàng D2 ở Thành phố Hồ Chí Minh làm thủ tục chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng của Công ty T11 thanh toán tiền mua hàng hóa.

Lợi dụng việc mua văn phòng phẩm tại Công ty T11, Đào Duy T kê thêm số lượng văn phòng phẩm, các sản phẩm điện, điện tử, đồ gia dụng vào đơn đặt hàng như: Điện thoại di động iPhone, máy tính bảng, máy tính xách tay, máy vi

tính để bàn, tủ lạnh, máy nước nóng lạnh, máy chụp ảnh, camera, máy rửa chén, máy điều hòa, tivi, điện thoại cố định… T chiếm giữ các văn phòng phẩm như giấy, bút, kẹp giấy rồi đem đến Công ty trách nhiệm hữu hạn D3 của T sử dụng. Đối với các sản phẩm điện, điện tử, đồ gia dụng … T khai nhận bán thông qua các trang mạng Internet.

Từ tháng 4 năm 2015 đến tháng 12 năm 2015, Tan H đã ký phát hành 30 (ba mươi) Lệnh thanh toán chuyển số tiền 6.339.512.453 đồng từ tài khoản số 1013390-05 của Công ty G1 tại Ngân hàng D2 ở Thành phố Hồ Chí Minh đến tài khoản số 0281000314255 của Công ty T11 tại Ngân hàng V1 Chi nhánh B3 để thanh toán 31 (ba mươi mốt) Hóa đơn giá trị gia tăng bán hàng cho Công ty G1.

Quá trình điều tra T10 không thừa nhận đã ký 30 Lệnh thanh toán nêu trên để thực hiện việc chuyển tiền cho Công ty T11. T10 cho rằng chỉ ký các Lệnh thanh toán chuyển tiền cho Công ty T11 khoảng dưới 10.000.000 đồng/01 tháng và Tan H6 Lim không thừa nhận có nhận tiền của Đào Duy T.

Theo Kết luận giám định số 381 ngày 06 tháng 10 năm 2017, Phòng K Công an tỉnh B xác định: chữ ký và chữ viết họ tên "Đào Duy T", "D. T" và "T" trên 92 (chín mươi hai) bản kê chi tiết, biên bản giao nhận hàng và phiếu xuất kho bán hàng của Công ty T11 từ ngày 06 tháng 10 năm 2014 đến ngày 08 tháng 12 năm 2015 do Đào Duy T ký và viết ra.

Theo Kết luận giám định số 458 ngày 15 tháng 12 năm 2017 và Kết luận giám định số 162 ngày 19 tháng 6 năm 2018, Phòng K Công an tỉnh B xác định: chữ ký phía dưới mục "Chữ ký hữu quyền" trên 30 Lệnh thanh toán của ngân hàng D2 AG từ ngày 02 tháng 4 năm 2015 đến 01 tháng 12 năm 2015 chuyển tiền từ tài khoản của Công ty G1 đến tài khoản của Công ty T11 do Tan Hui L ký.

Từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 08 tháng 12 năm 2015, Đào Duy T lấy danh nghĩa là đại diện của Công ty G1 tiếp tục mua của Công ty T11 các mặt hàng như iPhone, M1, máy lạnh, giấy A4, A3…với tổng số tiền 877.665.800 đồng, nhưng do Tan Hui L đã bị chấm dứt hợp đồng lao động ngày 02/12/2015 nên chưa thanh toán tiền cho Công ty T11.

Quá trình điều tra, ông Đào Ngọc Ẩ là cha của Đào Duy T đã bồi thường cho Công ty G1 số tiền 100.000.000 đồng. Đào Duy T đã bồi thường cho Công ty T11 số tiền 151.000.000 đồng. Hiện Công ty T11 yêu cầu Đào Duy T tiếp tục bồi thường số tiền 726.665.800 đồng.

2. Hành vi phạm tội thông qua việc mua sắt thép và dụng cụ tại thị trường Việt Nam:

Trong thời gian làm Tổng Giám đốc, Tan Hui L đã sử dụng tiền của Công ty G1 liên tục mua các loại sắt thép và dụng cụ tại thị trường Việt Nam ở các Công ty và cơ sở kinh doanh ở chợ dân sinh, nhưng sau đó không đưa về Công ty G1 sử dụng. T10 sử dụng tiền mặt để thanh toán các hóa đơn mua sắt thép và

dụng cụ, mỗi hóa đơn đều có số tiền dưới 20.000.000 đồng. Từ tháng 9 năm 2012 đến tháng 10 năm 2015, Tan H đã mua sắt thép và dụng cụ của 62 Công ty và sơ sở kinh doanh với 909 hóa đơn trị giá tổng số tiền 13.964.313.016 đồng (có bảng danh sách kèm theo).

Quá trình điều tra Tan Hui L khai nhận: Tan Hui L trực tiếp đi mua sắt thép và dụng cụ tại thị trường Việt Nam ở nhiều Công ty, cơ sở kinh doanh khác nhau. T10 cho rằng do cần vật liệu sửa chữa, xây dựng tại Công ty và do yêu cầu của khách hàng cần mua mũi khoan loại bình thường có giá thành rẻ nên Tan H6 Lim trực tiếp đi mua sắt thép và dụng cụ tại thị trường Việt Nam đem về Công ty sử dụng, giao bộ phận kho làm thủ tục nhập kho theo đúng quy định của Công ty và giao cho Công ty T13, địa chỉ: C H, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Công ty T13) để xây dựng, sửa chữa nhà xưởng cho Công ty G1.

Tuy nhiên, dựa vào công nghệ, đặc tính máy móc được lắp đặt và sử dụng tại Công ty G1 thì khi sản xuất sản phẩm là mũi khoan chất lượng cao Công ty G1 chỉ sử dụng các loại phôi hợp kim (Carbide) và thép gió (HSS). Các phôi hợp kim có hình tròn, đường kính từ 2,98mm đến 25,38mm, chiều dài 33,5mm được nhập khẩu từ Đức và không mua ở thị trường Việt Nam. Đối với thép gió chỉ sử dụng dạng thanh tròn, đường kính từ 05mm đến 20mm, chiều dài 200mm và với số lượng rất ít. Còn các loại sắt thép và dụng cụ Tan Hui L mua tại thị trường Việt Nam gồm: Thép vuông, thép tấm, thép phi, thép lá, thép hộp mạ kẽm, tôn, sắt thép các loại,…. và các loại dụng cụ như: Mỏ lết, kềm, búa, xà beng, kéo cắt sắt….không thể sử dụng để sản xuất, sửa chữa sản phẩm là mũi khoan tại Công ty G1. Mặt khác, căn cứ vào lời khai của các nhân viên Công ty G1 gồm: Đào Duy T (nhân viên Kế toán), ông Nguyễn Duy T5 (Bộ phận sản xuất), bà Phan Thị Hoàng T6 (bộ phận trợ lý kinh doanh (quản lý kho, xuất nhập hàng hóa về kho), ông Lê Phương T7 (Trưởng Phòng ứng dụng và bán hàng), ông Nguyễn Hồng Đ (Bảo vệ) và ông Nguyễn Anh T8 (quản lý công trình của Công ty T13) đủ căn cứ xác định các loại sắt thép và dụng cụ mà Tan H6 Lim mua tại thị trường Việt Nam không đưa về nhập kho tại Công ty G1 và không giao cho Công ty T13 xây dựng, sửa chữa nhà máy của Công ty G1.

Như vậy, Công ty G1 tố cáo Tan Hui L có hành vi gian dối trong việc mua thép và dụng cụ của các Công ty và cơ sở kinh doanh từ tháng 9 năm 2012 đến tháng 10 năm 2015 để chiếm đoạt số tiền 14.379.749.630 đồng, quá trình điều tra chỉ có căn cứ xác định được Tan Hui L đã chiếm đoạt số tiền 13.964.313.016 đồng của Công ty G1 thông qua việc mua sắt thép và dụng cụ tại thị trường Việt Nam. Số tiền còn lại 415.436.614 đồng, trong đó 25.517.000 đồng là tiền mua các loại dụng cụ và thép gió để sử dụng cho việc sản xuất tại Công ty G1; còn 389.919.614 đồng Công ty G1 không cung cấp hóa đơn mua hàng nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra làm rõ.

3. Việc thuê dịch vụ tư vấn phát triển kinh doanh của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H12:

T10 kết hôn với Nguyễn Ngọc Minh H7 từ năm 2004. T10 có quan hệ quen biết với Nguyễn Gia Việt H9 (H9 là Luật sư tư vấn pháp lý cho Công ty G1); H9 là chồng của Đặng Hạnh D.

Bà Võ Thị Xuân L1, sinh năm 1990, nơi cư trú: E N, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là nhân viên của Công ty cổ phần V2, địa chỉ: Số D P, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh do Nguyễn Gia V H9 làm Giám đốc.

Quá trình kinh doanh của Công ty G1, chủ sở hữu là Công ty G1 nước Đ không cho chi hoa hồng cho khách hàng của Công ty G1 nên Tan H6 Lim bàn với H9 thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H12 (gọi tắt là Công ty H12) để thực hiện việc chi hoa hồng. H9 bàn với vợ là Đặng Hạnh D thành lập Công ty H12 do D là người đại diện theo pháp luật để giúp cho Tan H6 Lim chi hoa hồng cho khách hàng. Để thực hiện ý định này, Tan Hui L và Nguyễn Gia Việt H9 ký hợp đồng số 002/13/Pro-FMC ngày 30 tháng 7 năm 2013 với thỏa thuận Công ty H12 cung cấp dịch vụ phát triển kinh doanh cho Công ty G1 gồm mở rộng khách hàng, liên hệ với khách hàng tiềm năng, đại diện cho Công ty G1 thương lượng với khách hàng tiềm năng…và dịch vụ chăm sóc cây cho Công ty G1. Trên cơ sở hợp đồng ký kết, từ ngày 10 tháng 10 năm 2013 đến ngày 28 tháng 10 năm 2015, Tan H đã ký các Lệnh thanh toán chuyển số tiền 10.245.057.500 đồng từ tài khoản của Công ty G1 đến tài khoản của Công ty H12 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ2 - Chi nhánh P3, Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó: 10.200.700.000 đồng có nội dung là thanh toán phí tư vấn phát triển kinh doanh và 44.357.500 có nội dung là thanh toán tiền mua áo thun nam, đồ bảo hộ, bùi nhùi. Đặng Hạnh D ký S để H9 rút số tiền 9.105.957.500 đồng, D rút số tiền 749.100.000 đồng và H9 nhờ L1 rút số tiền 390.000.000 đồng từ tài khoản của Công ty H12 về giao lại cho H9.

Sau đó, H9 và D nộp vào tài khoản số 98615479 của Nguyễn Ngọc Minh H7 tại Ngân hàng Á - Chi nhánh Thành phố H tổng số tiền 7.581.107.793 đồng, trong đó: H9 nộp số tiền 6.820.997.203 đồng, D nộp số tiền 327.554.745 đồng và H9 nhờ bà Võ Thị Xuân L1 nộp số tiền 432.555.845 đồng. H9 trực tiếp giao cho H7 số tiền 1.890.000.000 đồng. Tổng số tiền H9, D giao cho H7 là 9.471.107.793 đồng. Số tiền còn lại 773.949.707 đồng, H9 sử dụng để đóng thuế cho Công ty H12 là 768.506.398 đồng, còn 5.443.309 đồng H9 khai dùng để chi tiền xăng cho nhân viên của Công ty.

Khi nhận được số tiền 9.471.107.793 đồng do H9 và D giao, Nguyễn Ngọc Minh H7 đã chuyển khoản chi hoa hồng cho 94 người là khách hàng của Công ty G1 với tổng số tiền 4.576.011.819 đồng (có danh sách kèm theo). Số tiền còn lại là 4.895.095.974 đồng, H7 sử dụng tiêu xài cá nhân như: rút tiền mặt bằng thẻ ATM số tiền 108.039.600 đồng; chi trả tiền vé máy bay số tiền 24.787.000 đồng, chi trả cho Công ty TNHH D4 số tiền 11.580.000 đồng, chi trả tiền thuê nhà số

tiền 100.000.000 đồng, nộp vào tài khoản của Công ty TNHH T14 (do Nguyễn Ngọc M2 H7 là người đại diện theo pháp luật) số tiền 1.310.315.000 đồng ….

Tại Kết luận giám định số 367/GĐ-PC09 ngày 21 tháng 11 năm 2018, Phòng K Công an tỉnh B xác định: Chữ ký trên 25 lệnh thanh toán của ngân hàng D2 chuyển tiền cho Công ty H12 là do Tan Hui L ký.

Tại Kết luận giám định số 260/GĐ-PC09 ngày 13 tháng 8 năm 2019, Phòng K Công an tỉnh B xác định:

Chữ viết, chữ ký Nguyễn Gia Việt H4 trên các Séc của Công ty H12 dưới mục "Người giao" và "Người lĩnh tiền" và trên giấy biên nhận do Nguyễn Gia Việt H9 viết và ký ra.

Chữ viết, chữ ký Đặng Hạnh D trên các S và Giấy rút tiền của Công ty H12 dưới mục "Người ký phát", "Người lĩnh tiền" do Đặng Hạnh D viết, ký ra.

Chữ viết, chữ ký Võ Thị Xuân L1 trên các S và Giấy rút tiền của Công ty H12 dưới mục "Người lĩnh tiền" do Võ Thị Xuân L1 viết, ký ra.

Chữ viết, chữ ký Nguyễn Ngọc Minh H7 dưới mục "Người nhận tiền" trên 05 biên nhận về việc giao nhận tiền Công ty H12 từ ngày 28 tháng 01 năm 2015 đến ngày 28 tháng 12 năm 2015 do Nguyễn Gia V H9 giao tiền cho Nguyễn Ngọc M2 H7 là do Nguyễn Ngọc M2 H7 viết, ký ra.

Quá trình điều tra, Tan Hui L, Nguyễn Ngọc M2 H7 không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Tan Hui L cho rằng không chiếm đoạt tiền của Công ty G1, việc ký Lệnh thanh toán chuyển tiền cho Công ty H12 là để thanh toán phí tư vấn phát triển kinh doanh. Nguyễn Ngọc Minh H7 cho rằng không cấu kết với Nguyễn Gia V H9, Tan H để chiếm đoạt tiền của Công ty G1 và không nhận số tiền 1.890.000.000 đồng do H9 giao. Còn Nguyễn Gia Việt H9, Đặng Hạnh D cho rằng không chiếm đoạt tiền của Công ty G1, việc thành lập Công ty H12 không phải là để tư vấn phát triển kinh doanh cho Công ty G1 mà là để trả ơn cho Tan Hui L, giúp Tan H6 Lim chi hoa hồng cho khách hàng của Công ty G1.

Căn cứ vào lời khai nhận tội của Nguyễn Gia Việt H9, Đặng Hạnh D; sao kê tài khoản ngân hàng của Công ty H12, sao kê tài khoản ngân hàng của Nguyễn Ngọc Minh H7, các Kết luận giám định có đủ căn cứ cáo buộc Tan Hui Lim đã cấu kết với Nguyễn Ngọc Minh H2, Nguyễn Gia Việt H9, Đặng Hạnh D chiếm đoạt số tiền 4.895.095.974 đồng của Công ty G1.

4. Hành vi phạm tội thông qua việc thanh toán tiền thừa cho ông Lê Ngọc Đ1 từ tháng 4 năm 2015 đến tháng 12 măm 2015:

Ông Lê Ngọc Đ1, sinh năm 1973, nơi cư trú: phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh là Giám đốc Công ty TNHH G2 (gọi tắt là Công ty G2). Công ty G2 nhận cung cấp dịch vụ giao nhận, vận chuyển hàng hóa nội địa, đóng thuế, các loại phí cho Công ty G1. Tan Hui L thường cho ông Lê Ngọc Đ1 tạm ứng tiền để nộp thuế và các loại phí hàng nhập khẩu cho Công ty G1, sau đó ông Đ1

đem hóa đơn, chứng từ về giao lại và quyết toán với Công ty G1. Theo "Sổ chi tiết 1388 – Lê Ngọc Đ1" do Công ty G1 cung cấp thì từ ngày 09 tháng 4 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tan H6 Lim tạm ứng tiền cho ông Đ1 để đóng thuế và các loại phí dư số tiền 673.259.448 đồng. Tuy nhiên tại biên bản họp ngày 25 tháng 01 năm 2016 giữa Công ty G1, Tan H và ông Lê Ngọc Đ1 thì Tan Hui L thừa nhận đã nhận lại số tiền 649.000.000 đồng từ ông Đ1. Số tiền này, Tan Hui L không nhập vào sổ quỹ tiền mặt của Công ty G1 mà sử dụng tiêu xài cá nhân. Tan Hui L cho rằng đã sử dụng số tiền 649.000.000 đồng để đóng thuế giá trị gia tăng (VAT) hàng nhập khẩu, chi tiếp khách, tiền cơm, tiền xăng…nhưng không có hóa đơn, chứng từ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 158/2022/HS-ST ngày 05/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, đã quyết định:

1. Về trách nhiệm hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Tan Hui L, Đào Duy T, Nguyễn Ngọc Minh H2, Nguyễn Gia Việt H9, Đặng Hạnh D phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

- Căn cứ khoản 4 Điều 175, điểm c, g khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017,

Xử phạt bị cáo Tan H6 Lim 14 (mười bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 04 tháng 12 năm 2018.

- Căn cứ khoản 4 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm c, g khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017,

Xử phạt bị cáo Đào Duy T 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 08 tháng 01 năm 2018 đến ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- Căn cứ khoản 4 Điều 175, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Minh H7 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

- Căn cứ khoản 4 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Gia Việt H9 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Đặng Hạnh D; Về xử lý vật chứng; Về trách nhiệm dân sự; Về tiếp tục duy trì việc đặt tiền bảo đảm cho bị cáo Đào Duy T; Về án phí, lãi suất, quyền và nghĩa vụ trong thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 07 tháng 10 năm 2022 bị cáo Nguyễn Ngọc Minh H7 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo H7 đồng phạm với bị cáo T9 Hui Lim là oan cho bị cáo; vì bị cáo là vợ của bị cáo Tan Hui L, việc làm của bị cáo T9 Hui Lim thì bị cáo không hề biết. Chồng bị cáo kêu bị cáo nhận tiền trong tài khoản giúp và chi trả tiền giúp chồng thì bị cáo làm, bị cáo không hề biết số tiền này do đâu mà có và bị cáo Tan Hui L dùng vào mục đích gì. Bị cáo Tan Hui L không hề bàn bạc gì với bị cáo, cũng như bị cáo Nguyễn Gia Việt H9. Đối với các giấy nhận tiền mặt ngày 28/01/2015, ngày 28/3/2015, ngày 28/10/2015, ngày 30/11/2015 và ngày 28/12/2015 của bị cáo Việt H9 nhờ bị cáo ký giúp để ông H9 hợp thức hóa chứng từ. Thời điểm ký giấy này là vào tháng 03/2019. Bị cáo H9 hẹn với bị cáo qua tin nhắn Zalo để ký những chứng từ này. Thực tế thời điểm năm 2015 bị cáo đang ở nước ngoài nên không thể ký những chứng từ đó cho bị cáo H9. Bị cáo đã yêu cầu làm rõ nhưng không được cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm làm rõ mà kết tội bị cáo đồng phạm với bị cáo T9 Hui Lim là oan sai cho bị cáo. Do đó, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ án sơ thẩm, để điều tra lại.

- Ngày 10 tháng 10 năm 2022, bị cáo Nguyễn Gia Việt H9 có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: Án sơ thẩm phạt bị cáo 03 năm tù về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* với vai trò đồng phạm giúp sức trong vụ án là quá nghiêm khắc đối với bị cáo. Sau khi bị khởi tố điều tra bị cáo đã nhận thức và rất hối hận, ăn năn hối cải khi biết mình đã có hành vi mà pháp luật không cho phép. Tuy nhiên; xét về động cơ phạm tội, bản thân bị cáo hoàn toàn không có động cơ chiếm đoạt tài sản của bị hại (Công ty G1) và cũng hoàn toàn không biết các bị cáo khác trong vụ án có mục đích chiếm đoạt tiền của bị hại. Việc bị cáo thành lập Công ty H12 giúp bị cáo Tan H6 Lim chi tiền hoa hồng/chăm sóc khách hàng cũng chỉ là hành động trả ơn cho bị cáo T9 Hui Lim do bị cáo Tan Hui L đã nhiều lần giúp đỡ bị cáo trong quan hệ làm ăn, ký kết hợp đồng với khách hàng khác. Thực tế, sau khi nhận tiền từ T10 chuyển cho Công ty H12, thì bị cáo đã chuyển toàn bộ số tiền chi hoa hồng/chăm sóc khách hàng cho vợ bị cáo T9 Hui Lim là bị cáo Nguyễn Ngọc Minh H7 theo sự chỉ đạo của bị cáo Tan Hui L *(sau khi đã trừ tiền thuế phát sinh phải nộp cho Cơ quan Thuế)*. Bị cáo không biết số người nhận tiền chi hoa hồng là ai? Họ ở đâu? Họ được chi bao nhiêu? Việc này hoàn toàn do bị cáo Tan Hui L và bị cáo H7 biết và thực hiện; Về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú, làm việc; Bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình, gia đình bị cáo có công với Cách mạng. Nên, bị cáo kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo để có cơ hội hòa nhập cộng đồng và làm lại cuộc đời.

- Ngày 17 tháng 10 năm 2022, bị cáo Đào Duy T có đơn kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: Bị cáo T chỉ là người làm công ăn lương dưới sự chỉ đạo của Tổng giám đốc (bị cáo Tan Hui L). Bị cáo không có ý chí chiếm đoạt số tiền lớn của bị hại (Công ty G1); như thế bị cáo chỉ làm theo sự chỉ đạo của bị

cáo Tan Hui L là mua sản phẩm của Công ty T11, nhận sản phẩm là hàng điện tử, điện thoại và bán sản phẩm ra bên ngoài thu tiền đưa cho T9 Hui Lim để Tan H6 Lim chi hoa hồng cho khách hàng. Tan H6 Lim chỉ cho bị cáo một ít tiền mỗi khi bị cáo giao tiền cho Tan Hui L, đa số các sản phẩm đều do B2 là tài xế taxi bán giùm sau đó đưa tiền cho bị cáo, bị cáo đưa tiền cho Tan H6 Lim. Hàng tháng bị cáo đều báo cáo toàn bộ các khoản chi này cho kế toán của Công ty L8 báo cáo, có đầy đủ hóa đơn chứng từ, không giấu giếm gian lận. Tổng giám đốc (Tan H) kiểm tra hàng tháng, cân đối lệnh chi, ký lệnh chi, đóng dấu và đem nộp cho Ngân hàng… Bị cáo làm việc mua văn phòng phẩm này rất bình thường như mọi công việc được giao khác là phải hoàn thành, vì công việc này do Tan H Lim giao cho bị cáo. Ngoài ra, do số tiền chiếm đoạt là rất lớn và trong thời gian dài nên bị cáo Tan Hui L khai không biết gì hoặc không chi số tiền này là không đúng. Việc giao tiền không có giấy tờ chứng minh, do bị cáo Tan H6 Lim chỉ đạo và bị cáo giao tiền mặt lại cho bị cáo T9 Hui Lim là trách nhiệm trong công việc của bị cáo. Việc bị cho là chiếm đoạt tiền của bị hại (Công ty G1), ngay từ đầu sau khi bị cáo T9 Hui Lim bị cho nghỉ việc thì bị cáo đã hợp tác với bị hại, thống kê số liệu cho bị hại, cam kết trả nợ dần và việc cam kết trả nợ cho bị hại là do bị cáo nghĩ bị cáo chỉ hưởng lợi một ít tiền từ bị cáo T9 Hui Lim cho, nên sẵn sàng cam kết trả nợ dần. Ngoài ra, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận; giúp cơ quan chức năng làm sáng tỏ nội dung vụ án; mặc dù gia đình khó khăn nhưng bị cáo đã tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả; trong thời gian tại ngoại bị cáo tích cực tham gia chống dịch Covid, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B khen thưởng; gia đình bị cáo có công với Cách mạng, bị cáo là lao động chính trong gia đình, hiện bị cáo có 03 con lớn nhất 7 tuổi, nhỏ nhất hơn 01 tuổi. Do đó, bị cáo T kháng cáo xin Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm có điều kiện hòa nhập xã hội và làm lại cuộc đời.

- Ngày 18 tháng 10 năm 2022, bị cáo Tan Hui L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: Bị cáo bị truy tố về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" với các hành vi gồm: (1) Hành vi mua văn phòng phẩm của Công ty T11 bị quy buộc chiếm đoạt 6.339.512.453 đồng; (2) Hành vi ứng tiền cho Công ty G2 số tiền bị quy buộc chiếm đoạt 649.000.000 đồng; (3) Hành vi thông qua việc thuê dịch vụ tư vấn phát triển kinh doanh của Công ty TNHH MTV H12, bị quy buộc chiếm đoạt 4.895.095.974 đồng; (4) Hành vi mua sắt, thép, số tiền bị quy buộc chiếm đoạt là 13.964.313.016 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm vào ngày 22/9/2022 bị cáo đã đề nghị giám định lại chữ ký của bị cáo trên 30 lệnh thanh toán (vì bị cáo cho rằng đó không phải là chữa ký của bị cáo); Giám định giá trị sắt, thép sửa chữa, xây dựng nhà xưởng của Công ty G1 tại C và Quận B (vì một phần sắt, thép sửa chữa, xây dựng nhằm thực hiện các công trình tại đây); Xác minh và lấy lời khai của ông Võ Hải H11 là người bị cáo giao số tiền mặt nhiều lần với giá trị tổng cộng khoảng 4.000.000.000 đồng để thanh toán hoa hồng tiền mặt cho khách hàng. Tuy nhiên, đề nghị của bị cáo không được Tòa sơ thẩm chấp

nhận và ngày 05/10/2022 đã tuyên mức án áp dụng đối với bị cáo là 14 năm tù, bồi thường thiệt hại cho bị hại (Công ty G1) số tiền 25.000.000.000 đồng. Nhận thấy mức hình phạt đã tuyên và số tiền bồi thường thiệt hại cho bị hại như án sơ thẩm đã tuyên là không phù hợp với hành vi của bị cáo, nên bị cáo kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ án sơ thẩm để điều tra lại. Trường hợp không đủ căn cứ buộc tội thì đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo không phạm tội.

- Sau khi kháng cáo; ngày 20/3/2023 bị cáo Nguyễn Gia V H9 và Đặng Hạnh D đã nộp đủ số tiền bồi thường còn lại cho bị hại mà án sơ thẩm đã tuyên là 573.949.707 đồng theo Biên lai thu tiền số 0007522 ngày 20/3/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

- Ngày 15/6/2023, bị cáo Nguyễn Ngọc Minh H7 có đơn thay đổi kháng cáo, với nội dung sau khi nhận được bản án sơ thẩm bị cáo suy nghĩ và nhận thức việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo thừa nhận tội như án sơ thẩm đã tuyên xử; bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù để bị cáo có điều kiện sớm trở về nuôi mẹ già trên 85 tuổi hiện ở một mình không ai chăm sóc, và nuôi 02 con còn nhỏ đang đi học vì khi bị cáo và bị cáo Tan H6 Lim chấp hành hình phạt tù thì 02 con cũng không ai chăm sóc; Đồng thời xin được khắc phục toàn bộ hậu quả với số tiền 4.121.146.267 đồng mà án sơ thẩm đã tuyên và xin được khắc phục một phần hậu quả cho chồng là bị cáo Tan Hui L gây ra cho bị hại Công ty G1 với số tiền 200.000.000 đồng để xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo Tan Hui L.

- Ngày 10/7/2023, bị cáo Nguyễn Ngọc Minh H7 đã nộp đủ số tiền 4.121.146.267 đồng mà án sơ thẩm tuyên buộc bị cáo liên đới cùng bị cáo Tan H6 Lim bồi thường cho bị hại theo Biên lai thu tiền số 0007556 ngày 10/7/2023 và nộp 200.000.000 đồng thay cho bị cáo T10 để bồi thường cho bị hại theo Biên lai thu tiền số 0007557 ngày 10/7/2023 đều tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Bị cáo Tan Hui L có đơn thay đổi kháng cáo đề ngày 20/7/2023, với nội dung bị cáo đồng ý đối với cáo trạng đã truy tố nhưng đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét tính chất, mức độ và hoàn cảnh vi phạm để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo được biết vợ của bị cáo là bị cáo Nguyễn Ngọc Minh H7 vào ngày 10/7/2023 đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương số tiền 4.121.146.267 đồng để khắc phục hậu quả cho bị hại mà bị cáo H7 phải liên đới cùng bị cáo T9 Hui Lim phải bồi cho bị hại; và bị cáo H7 cũng nộp thay bị cáo Tan H6 Lim số tiền 200.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị hại, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ mới cho bị cáo và xem xét giảm bớt trách nhiệm dân sự cho bị cáo. Vì, số tiền 649.000.000 đồng bị cáo nhận của ông Đ1 hoàn trả là tiền bị cáo tạm ứng của bị hại đây là giao dịch dân sự bị cáo đồng ý trả; riêng số tiền 6.339.512.453 đồng mà bị cáo Đào Duy T

mua văn phòng phẩm từ Công ty T11 thì bị cáo không có chỉ đạo và không sử dụng. Các hành vi còn lại bị cáo thừa nhận như án sơ thẩm đã tuyên, nên, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Ngọc Minh H2, trình bày: Giữ nguyên nội dung thay đổi yêu cầu kháng cáo như đã nêu trên, mong Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo, để bị cáo sớm về với gia đình nuôi dạy 02 con còn nhỏ và mẹ già đã hơn 85 tuổi do chồng là bị cáo Tan Hui L cùng bị phạt tù và mức án cao hơn bị cáo nên không ai chăm sóc 02 con chung cùng mẹ bị cáo đã lớn tuổi (mẹ bị cáo chỉ có bị cáo là con duy nhất, bị cáo phải chăm sóc mẹ già).

- Bị cáo Đào Duy T, giữ nguyên lý do và yêu cầu kháng cáo như nêu trên, không cung cấp chứng cứ mới, hiện bị cáo đang bị thất nghiệp nên chưa có khả năng khắc phục số tiền lớn, nếu không có sự chỉ đạo của bị cáo T9 Hui Lim thì bị cáo không thể rút số tiền lớn từ Công ty (bị hại), khi rút được tiền thì bị cáo không có sử dụng toàn bộ, mà phần lớn là giao cho bị cáo T9 Hui Lim, nhưng số tiền cụ thể bao nhiêu thì bị cáo không nhớ. Vì thế, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và giảm nhẹ mức bồi thường thiệt hại cho bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Gia Việt H9, trình bày: Giữ nguyên lý do và yêu cầu kháng cáo nêu trên. Bị cáo đã khắc phục xong toàn bộ thiệt hại mà án sơ thẩm đã tuyên mặc dù số tiền bị buộc trả bị cáo không hưởng mà đó là tiền nộp thuế, nên mong Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

- Bị cáo Đặng Hạnh D, trình bày: Đồng ý với án sơ thẩm nên không có kháng cáo.

- Đại diện bị hại, trình bày: Đồng ý với án sơ thẩm và không kháng cáo, tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo đã nộp tiền khắc phục hậu quả; riêng bị cáo T không nộp tiền khắc phục hậu quả nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Tòa sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Tan H, Đào Duy T, Nguyễn Ngọc Minh H2, Nguyễn Gia Việt H9 và bị cáo Đặng Hạnh D phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, không oan. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Tan Hui L và bị cáo Nguyễn Ngọc Minh H7 có đơn kháng cáo, không thừa nhận hành vi phạm tội. Tuy nhiên, trước khi xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay thì bị cáo T9 Hui Lim và bị cáo Minh H7 đã thay đổi yêu cầu kháng cáo, bị cáo Tan Hui L và bị cáo Minh H7 đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đã nộp số tiền khắc phục hậu quả tổng cộng là 4.321.146.267 đồng. Riêng bị cáo Tan Hui L cho rằng không chỉ đạo bị cáo Đào Duy T kê khống số

tiền 6.339.512.453 đồng từ việc mua văn phòng phẩm và đối với số tiền 649.000.000 đồng nhận từ ông Đ1 là giao dịch dân sự và đề nghị xem xét hai khoản tiền này là không có căn cứ chấp nhận vì bị cáo Tan Hui L đã ký, đóng dấu vào các lệnh đề nghị thanh toán khi bị cáo T mua văn phòng phẩm của Công ty T11 với 6.339.512.453 đồng; còn số tiền nợ 649.000.000 đồng thì bị hại đã tố cáo trước khi bị cáo, ông Đ1 và bị hại thỏa thuận nợ nên không có căn cứ xem xét lại trách nhiệm dân sự của bị bị cáo đối với hai khoan này.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Tan Hui L, Nguyễn Ngọc Minh H7: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại, mẹ bị cáo H7 tham gia kháng chiến, có công với Cách mạng và chỉ có bị cáo là con duy nhất, hiện nay mẹ bị cáo đã hơn 85 tuổi không có ai chăm sóc phụng dưỡng ngoài bị cáo; đồng thời bị cáo còn 02 con nhỏ không ai chăm sóc; tại phiên tòa phúc thẩm bị hại đã xin giảm hình phạt cho các bị cáo. Riêng bị cáo H7 đã khắc phục toàn bộ thiệt hại cho bị hại theo bản án sơ thẩm đã tuyên nên theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, tuyên xử bị cáo T9 Hui Lim từ 12 đến 13 năm tù; bị cáo H7 từ 07 đến 08 năm tù.

Đối với bị cáo Đào Duy T, xét án sơ thẩm quy buộc bị cáo có trách nhiệm liên đới cùng bị cáo Tan H6 Lim bồi thường bị hại số tiền 6.339.512.453 đồng là có căn cứ, tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp chứng cứ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, giữ nguyên án sơ thẩm đối với bị cáo T.

Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Gia Việt H9, xét: Bị cáo H9, D lập Công ty H12 nhận tiền của Công ty G1 (bị hại) sau đó chuyển lại cho bị cáo Minh H7 nhận để chi tiền hoa hồng cho khách hàng của bị hại, bị cáo không biết được việc chi tiền hoa hồng của bị cáo Tan Hui L là không được sự đồng ý của Công ty mẹ ở nước ngoài và việc thành lập Công ty H12 là để trả ơn cho bị cáo T9 Hui Lim, vì bị cáo Tan H6 Lim trước đó có giúp đở giới thiệu khách hàng cho bị cáo H9, bị cáo H9 không hưởng lợi nhưng khi bị buộc bồi thường số tiền 773.949.707 đồng thì tại cấp sơ thẩm bị cáo H9, D đã nộp được 200.000.000 đồng, tại cấp phúc thẩm các bị cáo H9, D đã nộp đủ số tiền còn lại là 573.949707 đồng và bị hại xin giảm hình phạt cho bị cáo nên đề nghị cho bị cáo H9 hưởng các tình tiết giảm nhẹ mới là khắc phục toàn bộ thiệt hại và người bị hại xin giảm hình phạt theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; đồng thời bị cáo H9 có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, nếu không buộc chấp hành hình phạt tù cũng không gây nguy hại cho xã hội, nên đề nghị Hội đòng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

- Luật sư N4, Luật sư N3 bào chữa cho bị cáo Tan Hui L, cùng trình bày: Thống nhất theo đơn xác định lại yêu cầu kháng cáo của bị cáo Tan H6 Lim lập ngày 20/7/2023 đã nộp và trình bày của bị cáo Tan Hui L tại Tòa, thống nhất đề

nghị của Đại diện Viện kiểm sát về việc giảm án cho bị cáo Tan Hui L, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đối với 02 khoản tiền mua văn phòng phẩm 6.339.512.453 đồng và khoản tiền 649.000.000 đồng bị cáo Tan H6 Lim nhận từ ông Đ1 như trình bày của bị cáo Tan Hui L, do bị cáo Tan Hui L có nhiều tình tiết giảm nhẹ mới tại cấp phúc thẩm nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự giảm hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị truy tố.

Bị cáo Tan Hui L đồng ý với lời bào chữa của các luật sư, không tranh luận bổ sung.

- Luật sư H8 bào chữa cho bị cáo T, trình bày: Thống nhất đối với kháng cáo và trình bày của bị cáo T, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, giảm cho bị cáo T một phần hình phạt.

Bị cáo T bảo lưu lời trình bày như nêu trên và thống nhất với bào chữa của luật sư H8.

- Luật sư T4 bào chữa cho bị cáo H7, trình bày: Thống nhất theo đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo như bị cáo H7 đã nộp tại cấp phúc thẩm và trình bày của bị cáo H7 nêu trên, bị cáo H7 phạm tội là lệ thuộc vào chồng (bị cáo Tan Hui L) bị cáo H7 không biết việc chi hoa hồng là không được sự đồng ý của Công ty mẹ ở nước ngoài; bị cáo H7 và bị cáo Tan Hui L cùng bị phạt tù sẽ rất khó khăn cho việc chăm sóc 02 con còn nhỏ, bị cáo H7 là con duy nhất trong gia đình, mẹ già không ai chăm sóc nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận kháng cáo của bị cáo H7 giảm cho bị cáo H7 phần hình phạt thấp hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát để bị cáo có điều kiện chăm lo cho 02 con và mẹ già.

Bị cáo H7 đồng ý với bào chữa của luật sư, không tranh luận bổ sung.

- Luật sư P2 bào chữa cho bị cáo H9, trình bày: Thống nhất với trình bày của bị cáo H9 và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo H9 và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo H9 thống nhất với bào chữa của luật sư, không tranh luận bổ sung.

- Bị cáo D đồng ý với quyết định của án sơ thẩm nên luật sư H10 và bị cáo D không tham gia tranh luận.

- Luật sư T4, Luật sư N5 Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại, cùng trình bày: Do bị hại đồng ý với án sơ thẩm nên không kháng cáo, tại phiên tòa đại diện bị hại và đại diện Viện kiểm sát đề nghị giảm hình phạt cho các bị cáo có tình tiết mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Đại diện bị hại đồng ý với ý kiến các luật sư, không tranh luận bổ dung.

- Lời nói sau cùng các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên các quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định nên vụ án được xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Tan H, Đào Duy T, Nguyễn Gia Việt H9, Đặng Hạnh D, Nguyễn Ngọc Minh H7 đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình (chỉ riêng bị cáo Tan H6 Lim xin xem xét lại phần tiền mua văn phòng phẩm vì bị cáo không hưởng, không chỉ đạo bị cáo Thanh kê khống để lấy tiền và phần tiền 649.000.000 đồng là tiền bị cáo nhận tạm ứng), lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, các kết luận giám định, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, lời khai của những người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Riêng bị cáo Tan Hui L yêu cầu xem xét lại 02 khoản tiền mua văn phòng phẩm và khoản tiền nhận từ ông Đ1 là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, không chấp nhận bào chữa của các luật sư N3, N4 giữ nguyên nhận định của án sơ thẩm. Cụ thể, căn cứ vào kết quả điều tra và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận:

- Tan Hui L là Tổng Giám đốc của Công ty G1 từ ngày 01 tháng 02 năm 2011 đến ngày 02 tháng 12 năm 2015. Trong thời gian làm việc tại Công ty G1, với chức vụ được bổ nhiệm là Tổng Giám đốc, chủ tài khoản của công ty. Lợi dụng công việc được giao là người đại diện theo pháp luật, quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động của Công ty G1, được ký các Lệnh thanh toán chuyển tiền và các Séc rút tiền mặt, Tan H đã cấu kết với Đào Duy T chiếm đoạt số tiền 6.339.512.453 đồng thông qua hợp đồng nguyên tắc về mua bán văn phòng phẩm và các thiết bị điện tử của Công ty T11; trực tiếp mua sắt thép và nguyên liệu tại thị trường Việt Nam của các công ty và cơ sở kinh doanh để sản xuất và sửa chữa nhà máy với 909 hóa đơn mua hàng số tiền 13.964.313.016 đồng, qua kết quả điều tra số sắt thép bị cáo mua không nhập vào công ty để sản xuất hay sửa chữa như bị cáo khai. Mặt khác, thực tế những loại sắt, thép bị cáo mua không phù hợp với loại nguyên liệu mà Công ty G1 dùng để sản xuất; bị cáo Tan H6 Lim cấu kết với Nguyễn Ngọc Minh H2, Nguyễn Gia Việt H9, Đặng Hạnh D thành lập Công ty H12 không hoạt động lĩnh vực như đăng ký kinh doanh mà chỉ hợp thức hóa tiền từ Công ty G1 chuyển đến chiếm đoạt số tiền 4.895.095.974 đồng thông qua

việc chi hoa hồng cho khách hàng của Công ty G1. Ngoài ra, bị cáo Tan Hui L đã nhận lại số tiền 649.000.000 đồng của Công ty G1 từ Lê Ngọc Đ1 nhưng không nhập vào sổ quỹ tiền mặt của Công ty G1 mà sử dụng tiêu xài cá nhân. Tổng số tiền Tan H6 Lim chiếm đoạt của Công ty G1 là 25.847.921.443 đồng.

- Đào Duy T là nhân viên Kế toán tổng hợp của Công ty G1 từ tháng 10 năm 2014 đến tháng 12 năm 2015. Lợi dụng công việc được giao là mua văn phòng phẩm (các loại giấy, viết…) cho Công ty G1, Đào Duy T cùng với T10 thông qua hợp đồng nguyên tắc để thực hiện hành vi mua văn phòng phẩm và các thiết bị điện tử của Công ty T11 số tiền 6.339.512.453 đồng, sau đó đem bán và cùng bị cáo Tan H6 Lim chiếm đoạt số tiền trên.

- Nguyễn Ngọc Minh H7 giúp Tan Hui L thông qua việc chi hoa hồng cho khách hàng của Công ty G1, H7 cùng Tan Hui L, Nguyễn Gia Việt H9 và Đặng Hạnh D đã chiếm đoạt số tiền 4.895.095.974 đồng của Công ty G1.

- Nguyễn Gia Việt H9 và Đặng Hạnh D thành lập Công ty H12 để giúp cho Tan H6 Lim che giấu việc chi hoa hồng cho khách hàng của Công ty G1 giúp bị cáo Tan Hui L và Nguyễn Ngọc M2 H7 chiếm đoạt số tiền 4.895.095.974 đồng của Công ty G1.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, gây mất lòng tin lẫn nhau trong nội bộ doanh nghiệp, ảnh hưởng đến môi trường đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; trật tự trị an xã hội tại địa phương, hành vi của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm để có tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Trong đó, có xem xét vai trò cụ thể của từng bị cáo để quyết định hình phạt tương xứng.

[4] Xét, kháng cáo của các bị cáo:

[4.1] Đối với bị cáo Tan Hui L: Bị cáo giữ vai trò chính, là người chủ mưu trong việc thực hiện mua văn phòng phẩm, các sản phẩm điện tử của Công ty T11; chủ mưu trong việc thực hiện chi hoa hồng; trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của Công ty G1 thông qua việc mua sắt, thép cho Công ty G1; chiếm đoạt tiền nhận từ ông Lê Ngọc Đ1 trả lại tiền thừa cho Công ty G1.

Khi quyết định hình phạt Tòa sơ thẩm xác định bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng là lợi dụng chức vụ quyền hạn và phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm c, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay vợ của bị cáo Tan Hui L là bị cáo Nguyễn Ngọc M2 H7 đã khắc phục toàn bộ phần tiền 4.121.146.267 đồng mà án sơ thẩm tuyên bị cáo Tan Hui L cùng bị cáo H7 liên đới bồi thường cho bị hại và bị cáo H7 còn nộp thay bị cáo Tan H6 Lim số tiền 200.000.000 đồng để khắc phục một phần tiền bồi thường thuộc trách nhiệm của bị cáo Tan Hui L cho bị hại

và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Tan Hui L cũng đã thừa nhận hành vi phạm tội, đại diện bị hại xin giảm hình phạt cho bị cáo. Nên, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ mới là bồi thường, khắc phục hậu quả, người bị hại xin giảm hình phạt theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo Tan H6 Lim một phần hình phạt.

[4.2] Đối với bị cáo Đào Duy T với nhiệm vụ là kế toán đã thực hiện soạn thảo nội dung hợp đồng nguyên tắc, trình ký các Lệnh thanh toán để cùng với bị cáo Tan Hui L chiếm đoạt số tiền 6.339.512.453 đồng thông qua việc mua văn phòng phẩm và các thiết bị điện tử của Công ty T11, sau đó đem bán lấy tiền rồi chiếm đoạt. Bị cáo Thanh giữ vai trò là giúp sức tích cực và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội.

Khi quyết định hình phạt Tòa sơ thẩm xác định bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng là lợi dụng chức vụ quyền hạn và phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm c, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo, bồi thường được một phần thiệt hại, tham gia phòng chống dịch Covid được khen thưởng theo điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để tuyên phạt bị cáo 12 năm tù là đã tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên theo đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt mà Tòa sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo T.

[4.3] Bị cáo Nguyễn Ngọc Minh H7 nhận tiền từ Nguyễn Gia Việt H9, Đặng Hạnh D thông qua tài khoản cá nhân của mình và nhận trực tiếp từ H9, nhân viên của H9 sau đó thông qua bảng danh sách chi hoa hồng do nhân viên Công ty G1 chuyển cho H7 theo chỉ đạo của bị cáo T9 Hui Lim để chi trả hoa hồng cho khách hàng của Công ty G1, số tiền còn lại 4.895.095.974 đồng bị cáo giao cho bị cáo T9 Hui Lim để chiếm đoạt nên bị cáo H7 giữ vai trò là giúp sức lệ thuộc chồng là bị cáo Tan Hui L và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội.

Quá trình điều tra và tại cấp sơ thẩm bị cáo thừa nhận có làm theo yêu cầu của chồng là bị cáo Tan Hui L và tin tưởng do danh sách chuyển tiền hoa hồng thì được bộ phận kế toán của Công ty G1 chuyển cho bị cáo nên bị cáo mới biết tên, địa chỉ và số tiền cần chuyển nhưng bị cáo cáo không thừa nhận việc làm trên là phạm tội, vì thế khi quyết định hình phạt Tòa sơ thẩm xác định bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo chỉ có tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là gia đình có công với Cách mạng. Từ đó tuyên phạt bị cáo 12 năm tù. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo tiếp tục kháng cáo kêu oan. Tuy nhiên, sau đó bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là phạm tội giúp sức nên bị cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo từ kêu oan sang thừa nhận toàn hành vi phạm tội giúp sức, do nhận tội nên bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền 4.121.146.267 đồng

mà án sơ thẩm tuyên bị cáo có trách nhiệm liên đới cùng bị cáo Tan Hui L bồi thường cho bị hại. Xét, bị cáo H7 phạm tội giúp sức là lệ thuộc và tin tưởng chồng nên thực hiện hành vi phạm tội. Tại cấp phúc thẩm bị cáo đã thấy được sai phạm của mình nên đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải và đã khắc phục toàn bộ thiệt hại; bị cáo là con duy nhất trong gia đình, có mẹ già là người có công với Cách mạng nhưng đang sống neo đơn, có 02 con còn nhỏ đang đi học trong khi bị cáo Tan Hui L và bị cáo H7 là vợ chồng khi cả hai đều đi chấp hành hình phạm tù thì việc nuôi dưỡng, học hành của 02 con chung sẽ gặp nhiều khó khăn, tại tòa đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự ngoài tình tiết giảm nhẹ án sơ thẩm đã áp dụng. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và vai trò đồng phạm giúp sức nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự; chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, của Luật sư và chấp nhận kháng cáo của bị cáo giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[4.4] Bị cáo Nguyễn Gia Việt H9 biết rõ việc thành lập Công ty H12 theo yêu cầu của bị cáo T9 Hui Lim để tiếp nhận tiền từ Công ty G1, Công ty H12 không hoạt động theo giấy phép đã đăng ký các lĩnh vực cho phép và hợp đồng đã ký kết với Công ty G1, việc thành lập Công ty H12 chỉ thực hiện nhận tiền từ Công ty G1, sau đó bị cáo chuyển cho bị cáo H7 để vợ chồng Tan Hui L thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền Công ty G1 nên vai trò của bị cáo trong vụ án là đồng phạm giúp sức không đáng kể, do bị cáo không được hưởng lợi từ hành vi phạm tội và việc thành lập Công ty H12 là nhằm để bị cáo H9 trả ơn do trước đó bị cáo Tan H6 Lim có giúp đỡ, giới thiệu khách hàng cho bị cáo H9.

Tòa sơ thẩm xác định bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo có tình tiết giảm nhẹ là thật thà khai báo ăn năn, hối cải; bồi thường được một phần hậu quả, gia đình có công với Cách mạng quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo 03 năm tù. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo. Xét, bị cáo H9 phạm tội với vai trò giúp sức không đáng kể là nhằm để trả ơn cho bị cáo T9 Hui Lim, phạm tội nhưng không vụ lợi, quá trình điều tra bị cáo tích cực hợp tác và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền còn lại là 573.949.707 đồng. Do, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, quá trình phạm tội không hưởng lợi, phạm tội với vai trò giúp sức không đáng kể, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nếu không buộc chấp hành hình phạt tù cũng không gây nguy hại cho xã hội. Vì thế, theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, của Luật sư; Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để răn đe, giáo dục chung và phòng ngừa riêng.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

[5.1] Bị cáo Nguyễn Ngọc Minh H7 đã nộp đủ số tiền bị buộc liên đới cùng bị cáo Tan H6 Lim bồi thường cho bị hại là 4.121.146.267 đồng, nên không phải nộp thêm; Bị cáo Nguyễn Gia Việt H9 và bị cáo Đặng Hạnh D đã nộp đủ số tiền 773.949.707 đồng bị buộc liên đới bồi thường cho bị hại nên không phải nộp thêm.

[5.2] Đối với số tiền các bị cáo đã nộp: Bị cáo Tan Hui Lim nộp 200.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0007557 ngày 10/7/2023; bị cáo Nguyễn Ngọc M2 Hương nộp 4.121.146.267 đồng theo Biên lai thu tiền số 0007556 ngày 10/7/2023; bị cáo Nguyễn Gia Việt H9 và bị cáo Đặng Hạnh D nộp 773.949.707 đồng (số tiền 200.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0002254 ngày 03/8/2022 và số tiền 573.949.707 đồng theo Biên lai thu tiền số 0007522 ngày 20/3/2023). Hiện Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương đang quản lý được chi trả cho bị hại là Công ty G1 khi thi hành án.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Tan Hui L, H9, H7 không phải nộp; bị cáo T kháng cáo không được chấp nhận nên phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Các phần khác của án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Đặng Hạnh D; về xử lý vật chứng; về trách nhiệm bồi thường còn lại của các bị cáo Tan H, Đào Duy T; về lãi suất trong thi hành án; về án phí; về tiếp tục duy trì việc đặt tiền đảm bảo cho bị cáo T không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đào Duy T; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Tan Hui L; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc Minh H7, bị cáo Nguyễn Gia Việt H9; Sửa một phần bản án sơ thẩm số 158/2022/HS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Tuyên bố các bị cáo Tan Hui L, Đào Duy T, Nguyễn Ngọc Minh H2, Nguyễn Gia Việt H9 và Đặng Hạnh D phạm tội *"Lạm dung tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*.

2. Căn cứ khoản 4 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm c, g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017;

Xử phạt bị cáo Tan H6 Lim 13 (mười ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày

04 tháng 12 năm 2018. Tiếp tục tạm giam bị cáo theo Quyết định giam của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

3. Căn cứ khoản 4 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm c, g khoản 1 Điều 52, Diều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017,

Xử phạt bị cáo Đào Duy T 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 08 tháng 01 năm 2018 đến ngày 01 tháng 01 năm 2019.

4. Căn cứ khoản 4 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Minh H7 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

5. Căn cứ khoản 4 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Gia Việt H9 03 (ba) năm tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Gia Việt H9 cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

6. Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 585, 589 của Bộ luật dân sự,

Các bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho Công ty G1 gồm:

6.1. Bị cáo Tan Hui L có trách nhiệm bồi thường số tiền 14.613.313.016 đồng là số tiền chiếm đoạt thông qua hành vi mua sắt thép và nhận tiền thừa từ ông Lê Ngọc Đ1 (được khấu trừ số tiền 200.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Ngọc Minh H7 đã nộp thay ngày 10/7/2023).

6.2. Các bị cáo Tan Hui L và bị cáo Đào Duy T có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 6.339.512.453 đồng là số tiền chiếm đoạt thông qua việc mua văn phòng phẩm của Công ty T11 (bị cáo T được khấu trừ số tiền đã nộp 100.000.000 đồng cho bị hại nhận);

6.3. Các bị cáo Tan Hui L, Nguyễn Ngọc Minh H7 có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 4.121.146.267 đồng (sau khi trừ số tiền mà H9 và D nộp thuế

phải bồi thường 773.949.707 đồng) là số tiền chiếm đoạt thông qua việc chi hoa hồng cho khách hàng của Công ty G1.

Bị cáo Nguyễn Ngọc Minh H7 đã nộp đủ số tiền 4.121.146.267 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương, nên không phải nộp thêm.

6.4. Các bị cáo Nguyễn Gia Việt H9, Đặng Hạnh D có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 773.949.707 đồng, thực tế bị cáo H9, D nộp đủ số tiền 773.949.707 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương, nên không phải nộp thêm.

6.5. Đối với cố tiền các bị cáo đã nộp gồm: Bị cáo Tan Hui L (do bị cáo H7 nộp thay) 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0007557 ngày 10/7/2023; bị cáo Nguyễn Ngọc Minh H7 nộp 4.121.146.267 đồng (bốn tỷ, một trăm hai mươi mốt triệu, một trăm bốn mươi sáu ngàn, hai trăm sáu mươi bảy đồng) theo Biên lai thu tiền số 0007556 ngày 10/7/2023; bị cáo Nguyễn Gia Việt H9 và bị cáo Đặng Hạnh D nộp 773.949.707 đồng (bảy trăm, bảy mươi ba triệu, chín trăm bốn mươi chín ngàn, bảy trăm lẻ bảy đồng) trong đó 200.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0002254 ngày 03/8/2022 và 573.949.707 đồng theo Biên lai thu tiền số 0007522 ngày 20/3/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương. Hiện Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương đang quản lý được chi trả cho bị hại là Công ty G1.

7. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đào Duy T phải nộp 200.000 đồng; các bị cáo Tan Hui L, Nguyễn Ngọc Minh H2, Nguyễn Gia Việt H9 không phải nộp.

8. Các phần khác của án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Đặng Hạnh D; về xử lý vật chứng; về lãi suất trong thi hành án; về án phí; về tiếp tục duy trì việc đặt tiền đảm bảo cho bị cáo Đào Duy T không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Dương (6);
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương.
- Trại tạm giam tỉnh Bình Dương "để tống đạt cho bc" (3);
- BCTN (4); BH (1); NLQ (3);
- Lưu hs (2) vp (5) 30b (án 09)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tửu

CÁC THẨM PHÁN

Lê Thành Long **Huỳnh Thanh Duyên**

THẨM PHÁN–CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Tửu